

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty cung vật tư y tế trên toàn quốc

Căn cứ Thông tư 14/2020/TT-BYT quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định 129/QĐ-SYT ngày 22/01/2021 về việc ban hành quy trình thực hiện mua sắm hàng hóa và sửa chữa cơ sở vật chất tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu các danh vật tư y tế đấu thầu năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Cẩm Phả, Phòng Quản lý trang thiết bị đề nghị Quý công ty báo giá các vật tư y tế theo danh mục sau:

STT	Tên hàng hóa
	NHÓM 1. BÔNG, DUNG DỊCH SÁT KHUẨN, RỬA VẾT THƯƠNG TẨY RỬA DỤNG CỤ
1	Bông y tế không thấm nước
2	Bông y tế thấm nước
3	Bông ép sọ não 1,5cm x 5 cm
4	Bông ép sọ não 4cm x 5cm
5	Tăm bông vô khuẩn
6	Dung dịch rửa vết thương
7	Dung dịch rửa tay phẫu thuật
8	Dung dịch rửa tay thường quy
9	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh loại 1
10	Dung dịch rửa tay nhanh 500ml
11	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế
12	Dung dịch khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ nội soi
13	Hóa chất khử khuẩn mức độ cao
14	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao
15	Dung dịch tẩy rửa và khử nhiễm dụng cụ
16	Viên nén khử khuẩn
17	Chloramin B
18	Dung dịch sát khuẩn máy lọc thận
19	Cồn 70 độ
20	Cồn 96 độ
21	Dung dịch lugol 3% chai 500ml
22	Acid citric khô
	NHÓM 2. BĂNG, GẠC, VẬT LIỆU CÀM MÁU, ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG

STT	Tên hàng hóa
23	Băng bột bó 10cm x 2,7m
24	Băng bột bó 15cm x 2,7m
25	Băng cuộn y tế 10cm x 5m
26	Băng cuộn y tế 5cm x 5m
27	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ
28	Băng ngón tay 19mm x 72mm
29	Băng dính 5cm x 5m
30	Băng dính 2,5cm x 5m
31	Miếng dán mi
32	Gạc cầu đường kính 30 mm x1 lớp, vô trùng
33	Gạc mét
34	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp
35	Gạc phẫu thuật ổ bụng đường kính 30cm*40cm*8 lớp
36	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp, vô trùng
37	Gạc dẫn lưu tai mũi họng
38	Miếng cầm máu mũi
39	Sáp cầm máu
40	Vật liệu cầm máu tự tiêu
41	Miếng cầm máu tai
	NHÓM 3. BƠM, KIM TIÊM, DÂY TRUYỀN, GĂNG TAY VÀ VẬT TƯ Y TẾ SỬ DỤNG TRONG CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH
42	Bơm tiêm nhựa 1ml
43	Bơm tiêm nhựa 5 ml
44	Bơm tiêm nhựa 10ml
45	Bơm tiêm nhựa 20ml
46	Bơm tiêm nhựa 50ml
47	Bơm cho ăn 50ml
48	Bơm tiêm nhựa 100ml
49	Kim cánh bướm các số
50	Kim nha khoa
51	Kim chích lấy máu đo đường huyết mao mạch
52	Kim lấy thuốc các số
53	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số
54	Kim luồn tĩnh mạch dạng bút các số
55	Kim chọc dò tủy sống các số
56	Kim cây chỉ các số
57	Kim châm cứu các số
58	Bộ gây tê ngoài màng cứng
59	Dây truyền dịch có kim thẳng
60	Dây truyền dịch có kim bướm
61	Dây truyền dịch không liền kim
62	Dây nối bơm tiêm điện 150cm
63	Dây nối bơm tiêm điện 140cm
64	Dây nối bơm tiêm thuốc cân quang áp lực cao
65	Khóa ba chạc có dây
66	Khóa ba chạc không dây

STT	Tên hàng hóa
67	Dây truyền máu
68	Găng tay khám bệnh không bột các cỡ
69	Găng tay khám bệnh các cỡ
70	Găng tay sản khoa các cỡ
71	Găng tay phẫu thuật các cỡ
	NHÓM 4. ỐNG THÔNG, ỐNG DẪN LƯU, ỐNG NỐI, DÂY NỐI, CHẠC NỐI, CATHETER
72	Canuyn ngáng miệng(cannula) các cỡ
73	Canuyn mở khí quản các số
74	Canuyn ngáng miệng dùng trong nội soi dạ dày
75	Canuyn ngáng miệng nhi
76	Ống đặt nội khí quản có bóng các số
77	Ống nội khí quản 2 nòng các số
78	Ống thông silicon nuôi ăn dạ dày thành bụng, có bóng cố định
79	Ống silicone nuôi ăn đường mũi - dạ dày có phễu và nắp.
80	Ống giấy ngậm thời đo chức năng hô hấp
81	Cốc khí dung người lớn
82	Bộ hút đờm kín số 12
83	Sonde foley 2 đường các số
84	Sonde foley 3 đường các số
85	Sonde chữ T các số
86	Sonde dạ dày các số
87	Sond hậu môn các số
88	Sonde hút dịch các số
89	Sonde nelaton các số
90	Sonde niệu quản các số(JJ)
91	Vòi hút dịch ổ bụng
92	Ống nối dây hút
93	Dây dẫn đường niệu quản(Guide wire)
94	Dẫn lưu màng phổi
95	Túi đựng nước tiểu
96	Dây hút dịch phẫu thuật dài 2m
97	Dây garo tiêm
98	Ống nối máy thở
99	Dây thở oxy 2 đường các cỡ người lớn
100	Dây thở oxy 2 đường trẻ em
101	Dây thở oxy 2 đường sơ sinh
102	Catheter tĩnh mạch rốn các cỡ
103	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng
104	Catheter tĩnh mạch Trung Tâm 2 nòng các cỡ
105	Catheter tĩnh mạch Trung Tâm 3 nòng
106	Kìm lấy sỏi
	'NHÓM 5: KIM KHÂU, CHỈ KHÂU, DAO PHẪU THUẬT
107	Kim khâu phẫu thuật các loại, các cỡ
108	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 2/0, dài 75 cm
109	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 3/0, dài 75 cm

STT	Tên hàng hóa
110	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 4/0, dài 75 cm
111	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 5/0, dài 75 cm
112	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 6/0, dài 75 cm
113	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 10/0, dài 30 cm
114	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 2/0, dài 90 cm
115	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 3/0, dài 90 cm
116	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 4/0, dài 90 cm
117	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài 90 cm
118	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 6/0, dài 60 cm
119	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglycolic acid số 1/0, dài 90cm
120	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglycolic acid số 2/0, dài 75 cm
121	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglycolic acid số 3/0, dài 75cm
122	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglycolic acid số 4/0, dài 75cm
123	Chỉ khâu liền kim tiêu nhanh đa sợi Polyglycolic acid số 2/0, dài 75cm
124	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi glyconate, số 3/0, dài 70cm
125	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi glyconate, số 4/0, dài 70cm
126	Chỉ thép liền kim các cỡ
127	Chỉ không tiêu tổng hợp đa sợi Polyester số 2/0
128	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các số
	NHÓM 6: KHÍ Y TẾ VÀ CÁC LOẠI VẬT TƯ Y TẾ SỬ DỤNG TRONG CHẨN ĐOÁN, ĐIỀU TRỊ KHÁC
129	Oxy lỏng
130	Khí oxy bình 10l
131	Khí oxy bình 40l
132	Khí carbonic bình 40l
133	Điện cực tim người lớn
134	Điện cực tim trẻ em
135	Điện cực tim trẻ sơ sinh
136	Mặt nạ khí dung các cỡ
137	Mask khí dung các cỡ
138	Mặt nạ oxy các cỡ
139	Ambu người lớn
140	Ambu trẻ em
141	Huyết áp kế
142	Ổng nghe
143	Kẹp rôn sơ sinh
144	Đè lưỡi gỗ
145	Que gỗ lấy phiên đồ âm đạo
146	Khẩu trang y tế 3 lớp
147	Khẩu trang N95
148	Mũ y tế
149	Bộ bảo hộ chống dịch
150	Bộ quần áo chống dịch 7 chi tiết (gồm: Áo liền mũ liền quần + bao giày + kính + khẩu trang + găng tay)
151	Bộ trang phục phòng, chống dịch (cấp độ 3)
152	Bộ trang phục phòng, chống dịch (cấp độ 4)

STT	Tên hàng hóa
153	Kính chắn giọt bắn
154	Giấy điện tim 3 cần
155	Giấy điện tim 6 cần
156	Giấy in Monitor tim thai
157	Giấy in nhiệt siêu âm
158	Gel siêu âm
159	Gel điện tim
160	Gel bôi trơn
161	Parafin rắn
162	Dầu parafin
163	Bao cao su
164	Phin lọc máy thở
165	Spiro filter
166	Lọc khí thở C-2F
167	Nhiệt kế
168	Vòi sô đa
169	Than hoạt
170	Phim chụp X quang 35 x 43 cm cho máy in phim AGFA
171	Phim chụp X quang 20 x 25 cm cho máy in phim AGFA
172	Phim khô X quang Laser 14x17in (35x43cm) dùng cho máy in phim Trimax
173	Phim chụp X quang 35 x 43 cm (Cho máy in Fujifilm DryPix Plus và Drypix 7000/6000/4000)
174	Thuốc rửa phim X quang (Hiện & Hãm)
175	Phim X - quang 30x40 cm cho máy in AGFA
	NHÓM 7: VẬT TƯ THAY THẾ, SỬ DỤNG TRONG MỘT SỐ CHUYÊN KHOA
	7.1 Thủy tinh thể nhân tạo, vật tư dùng trong lọc máu
176	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự, chất liệu ngậm nước
177	Bộ dây lọc huyết tương
178	Quả lọc huyết tương
179	Bộ dây lọc máu liên tục
180	Quả lọc máu liên tục
181	Bộ dây nối lọc máu chạy thận nhân tạo cho máy Dialog +
182	Kim chạy thận nhân tạo
183	Quả lọc thận nhân tạo diện tích bề mặt 1,5 m2
184	Quả lọc thận nhân tạo tốc độ cao
185	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc
186	Dung dịch HD – 1B
187	Clip titanium kẹp mạch máu các cỡ
188	Dụng cụ cắt trĩ Longo có hai chốt an toàn KT ghim 33.5mm
189	Rọ lấy sỏi
190	Dụng cụ cắt trĩ theo phương pháp Longo có hai chốt an toàn KT ghim 32mm
191	Dụng cụ khâu cắt trĩ Logon cỡ 34mm
192	Thòng lọng cắt polyp đại - trực tràng dùng 1 lần

STT	Tên hàng hóa
193	Lưới đặt thoát vị bẹn
194	Dụng cụ khâu nối ống tiêu hóa tự động tròn các cỡ 21mm, 25mm, 28mm, 31mm
195	Dụng cụ cắt nối mở mở các cỡ
196	Dụng cụ khâu cắt nội soi các cỡ
	7.2 Vật tư dùng cho phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo
197	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu các cỡ
198	Vít treo gân các cỡ
199	Lưỡi bào khớp các loại, các cỡ
200	Lưỡi bào khớp bằng sóng Radio các loại
201	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy
202	Chỉ siêu bền
203	Mũi khoan ngược sử dụng cho kỹ thuật all inside
	7.3 Vật tư dùng cho phẫu thuật nội soi khớp vai khâu sụn viền
204	Vít neo khâu sụn viền
205	Trocar nhựa dùng trong nội soi khớp
206	Lưỡi bào mài xương, các loại, các cỡ
207	Vít neo cố định sụn viền các loại, xoay 360 độ trong xương
208	Vít neo cố định chóp xoay
	7.4 Nẹp vít hàm mặt sọ não các loại các cỡ
209	Nẹp hình tròn có lỗ khoan
210	Vít titan các cỡ dạng tự taro, tự khoan
211	Nẹp hình vuông
212	Vít xương Mini tự bắt (tự khoan) loại 1
213	Vít cố định hàm
214	Thân tuốc nơ vít
	7.5 Nẹp vít nén ép bằng thép không gỉ dùng trong can thiệp chi ngón
215	Nẹp lòng máng 1/3 dùng vít 3.5 mm
216	Nẹp chữ T các cỡ
217	Nẹp chữ L trái, phải các cỡ
218	Chỉ thép mềm đường kính các cỡ
219	Đinh kirschner đường kính các cỡ
220	Vít xương cứng đường kính 3.5mm các cỡ
221	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ
222	Vít xoắn đường kính 6.5mm , ren 32 mm, các cỡ
223	Nẹp bản nhỏ các cỡ
224	Nẹp bản hẹp các cỡ
225	Nẹp bản rộng các cỡ
226	Nẹp chữ T nhỏ 3 lỗ đầu (3 thân, 4 thân, 5 thân) vít 3.5
227	Nẹp mắt xích các cỡ
	7.6 Nẹp vít khóa chi trên bằng thép không gỉ
228	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ
229	Nẹp khóa đầu trên, đầu dưới xương cánh tay các loại các cỡ
230	Vít khóa 2.4, 2.7, 3.5 các cỡ
231	Vít khóa 4,5; 5.0 các cỡ
232	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ

STT	Tên hàng hóa
233	Nẹp khóa lồng máng 1/3, các cỡ
	7.7 Nẹp vít khóa chi dưới bằng thép không gỉ
234	Nẹp khóa đầu trên xương chày trái, phải các cỡ
235	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái, phải các cỡ
236	Vít khóa 2.4, 2.7, 3.5 các cỡ
237	Vít khóa 4,5; 5.0 các cỡ
238	Vít khóa 7.5 các cỡ
239	Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái, phải các cỡ
240	Vít khóa 6.5 các cỡ
241	Nẹp khóa bản rộng
242	Khớp háng toàn phần không xi măng metal on poly
243	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài thay lại
244	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi thường
	NHÓM 8: VẬT TƯ DÙNG TRONG XÉT NGHIỆM VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN
245	Ống chống đông citrat
246	Ống chống đông EDTA
247	Ống chống đông Heparin
248	Ống nghiệm Serum
249	Ống nghiệm máu lắng
250	Ống nghiệm nhựa 1cm x 7cm
251	Ống nghiệm nước tiểu bằng nhựa
252	Lam kính mài 1 cạnh
253	Quả bóp cao su dùng cho pipet
254	Hộp petri nhựa (Đĩa Petri phi 9 tiết trùng)
255	La men 20mm x 22mm
256	Dao cạo nấm
257	Đèn cồn
258	Sample cup 3ml
259	Que cấy vi sinh đầu bằng inox chịu nhiệt
260	Bình cầu thủy tinh 500 ml
261	Đầu côn xanh
262	Đầu côn vàng
263	Giấy in nhiệt CT
264	Cốc xét nghiệm đờm
265	Túi máu dẻo 3 túi
266	Bảng đưng hóa chất dùng cho máy 100S
267	Que chỉ thị hóa học
268	Chỉ thị sinh học dùng cho máy hấp
269	Túi đóng gói 100 x100m
270	Giấy tyverk 100 mm x 70m
271	Giấy tyverk 150 mm x 70m
272	Giấy tyverk 350 mm x 70m
273	Giấy in kết quả cho máy hấp tiết trùng nhiệt độ cao
274	Lọc khí cho nồi hấp HS-5035
275	Giấy in kết quả cho máy hấp tiết trùng nhiệt độ thấp Sterrad

STT	Tên hàng hóa
276	Túi đóng thuốc đông y
277	Chỉ thị nhiệt hóa học đơn thông số
278	Chỉ thị nhiệt (băng keo chỉ thị nhiệt 1322-18 MM) 3M
	NHÓM 9: Y DỤNG CỤ , VẬT TƯ DÙNG TRONG MỘT SỐ CHUYÊN KHOA
279	Panh cong cầm máu dài 13cm - 14cm
280	Panh cong cầm máu dài 200mm
281	Kìm mang kim cỡ dài 180mm
282	Kéo phẫu thuật dài 200mm
283	Kéo cắt chỉ dài 170mm
284	Phẫu tích không máu dài 180mm
285	Phẫu tích có máu dài 200mm
286	Bát cỡ 1 lít
287	Bát cỡ 0,4 lít
288	Hộp inox có nắp 18 x 25 cm
289	Cán dao các cỡ
290	Cán dao mổ điện
291	Mát dao mổ điện
292	Kìm cắt chỉ thép
293	Tô vít các cỡ
294	Móc 220 mm
295	Kẹp phẫu tích có máu, không máu dài 14cm-20cm
296	Panh cong, thẳng có máu, không máu 14 -18cm
297	Panh sát trùng khám phụ khoa
298	Kéo cắt chỉ thẳng nhọn dài 12cm
299	Kìm kẹp kim dài 16cm
300	Kìm kẹp kim dài 18cm
301	Kéo thẳng nhọn
302	Kéo đầu tù dài 16cm
303	Kéo cong đầu nhọn 16cm-18cm
304	Trụ cầm panh
305	Hộp đựng bông cotton
306	Khay quả đậu 25cm x 15cm x 3cm
307	Khay inox chữ nhật 20 x30 cm
308	Khay quả đậu 15x20cm
309	Bát inox Phi 10-12
310	Cán dao mổ số 3
311	Lưỡi dao 15 độ
312	Dao bẻ góc 2.8
313	Nhày trong PT mắt
314	Miếng dán mi cỡ nhỏ
315	Tăm bông (mắt)
316	Mũi khoan tròn
317	Mũi khoan trụ các màu
318	Mũi khoan chóp ngược
319	Mũi khoan ngọn lửa (vàng , xanh)

STT	Tên hàng hóa
320	Mũi khoan EndoZ
321	Mũi khoan phẫu thuật(tay chậm)
322	Mũi khoan đuôi chuột (màu vàng , màu đỏ)
323	Mũi khoan cắt xương dùng cho tay khoan nhanh
324	Mũi khoan các cỡ
325	Giấy đánh chất hàn
326	Bay nhựa đánh chất hàn
327	Chổi cước
328	Chất đánh bóng
329	Ống hút
330	Cốc nhựa
331	Vật liệu trám răng
332	Composite đặc
333	Keo dán nha khoa
334	Etching
335	Tăm bond
336	Eugenol
337	Oxit kẽm
338	Dung dịch sát khuẩn tủy Camphenol
339	Vật liệu bít ống tủy Cortisomol
340	Rocker
341	Chất diệt tủy
342	Trâm gai các số
343	Dụng cụ đặt thuốc tủy răng Lentulo số 25
344	Dụng cụ lèn cone trong ống tủy khi trám bít Gutta số 15
345	Gutta các số
346	Dụng cụ điều trị nội nha H- File số 8
347	File-H các số
348	Nong ống tủy K-File số 8
349	File K các số
350	Cây Lèn guttapacha
351	Matrix
352	Cavinton
353	MTA đóng cuống
354	Canxi
355	Ốc tay khoan nhanh
356	Đầu lấy cao răng siêu âm P5 neutro
357	Côn giấy các số
358	Dầu tra tay khoan
359	Kẹp gấp
360	Thám Trâm
361	Cán gương nha khoa
362	Mặt gương nha khoa
363	Bộ bảy không sang chân
364	Kìm nhổ chân răng các loại (trên và dưới)
365	Kim bơm rửa ống tủy 1 lỗ loại bé 2mm

STT	Tên hàng hóa
366	Bộ trám răng thẩm không dính màu vàng
367	Cây hàn GIC loại 1 đầu tròn 1 đầu dẹt màu trắng
368	Que hàn composid chống dính màu vàng
369	Bóng đèn nội soi tai mũi họng
370	Ống thông khí tai (tròn, chữ T)
371	Kim quang laze nội mạch
372	Eppendorf
373	Đầu tuýp 10ul có màng lọc
374	Đầu tuýp 1000ul có màng lọc
375	Đầu tuýp 100ul có màng lọc
376	Bộ điện cực máy điện châm đa năng
377	Xốp bọt biển máy điện xung
378	Đệm điện cực máy điện xung
379	Củ sạc máy điện châm
380	Phấn rôm
381	Gạc băng mắt 5cm*7cm* 8 lớp
382	Cuộn nhét metre mũi sau
383	Que lấy dị vật mũi
384	Que thăm dò xoang
385	Đầu hút mũi
386	Kim bơm thuốc thanh quản
387	Bộ mở miệng davisboyle
388	Kim rửa xoang
389	Dao chích rạch màng nhĩ
390	Ống hút tai 1.6,1.8,1.4,2.0
391	Bóng đèn osram 24v-250w
392	Dung dịch sát khuẩn da dùng trong y tế
393	Băng đánh số sơ sinh
394	Băng đánh số người lớn
395	Gạc lưới 10cm*10cm
396	Bơm hút thai 1 van
397	Bơm hút thai 2van
398	Ống hút thai rời các cỡ
399	Chỉ thị sinh học dùng cho máy hấp nhiệt độ cao
400	Cột lọc nước thô
401	Nẹp 12 lỗ vùng mặt
402	Nẹp 08
403	Kìm nhổ răng số 8 hàm dưới
404	Bẫy thẳng răng số 8
405	Bẫy thẳng răng hàm
406	Alfasept Handrub (dung dịch sát khuẩn tay nhanh)
407	Băng đựng hóa chất
408	Băng vải nhỏ loại 5m*5cm
409	Bộ đặt nội khí quản sơ sinh
410	Bộ dây lọc huyết tương (Diapact Kit Pex)
411	Bond

STT	Tên hàng hóa
412	Chất hàn cố định (răng)
413	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật nhãn khoa
414	Chỉ Monosyn USP 3/0 70cm (chỉ khâu phẫu thuật tiêu chậm số 3/0,70cm)
415	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 6/0 (Prolene6/0)
416	Dây đo huyết áp xâm lấn (Bộ đo huyết áp xâm lấn)
417	Dây nối bơm tiêm điện 30cm (Dây đo CPC)
418	Dây truyền thuốc cho máy bơm cân quang 1 nòng
419	Dịch hàn ống tủy
420	Dung dịch diệt tủy
421	Dung dịch xúc tác hàn ống tủy
422	Formol
423	Giấy in nhiệt CT- Malaysia
424	Giấy siêu âm
425	Hedstrom File các số
426	K- Flex file các số 27
427	Kim chích máu loại đầu xoay
428	Lèn ống tủy các số
429	Mask khí dung trẻ em
430	Mask oxy có túi
431	Mask thở ambu người lớn(Mask up bóp bóng)
432	Miếng dán (Opsite 6.5*5cm)
433	Mỏ vít nhựa
434	Ống đặt nội khí quản không bóng các số Tracheal Tube Cufless
435	Ống máu lắng
436	Ống ngậm miệng đo chức năng hô hấp (Ống ngậm thổi)
437	Ống ngậm chống đông Citrat chân không
438	Ống nghiệm đo tốc độ máu lắng
439	Ống nghiệm EDTA K2 chân không
440	Ống nghiệm nhựa (Ống nghiệm nhựa PS có nắp)
441	Ống nối nội khí quản (Sâu máy thở)
442	Phim XQ Agfa 8*10in
443	Phin chắn khí (Transducer Protector)
444	Que lấy bệnh phẩm (Que Spatula)
445	Sonde dẫn lưu ổ bụng (Ống dẫn lưu Draintube)
446	Sonde mũi họng
447	Tăm bông dùng trong nha
448	Thuốc nhuộm bao
449	Triple File các số
450	Túi chườm nóng
451	Túi đóng gói kích thước 350mm*70m
452	Bông tiêm 2cm*2cm

Báo giá bao gồm các thông tin: Tên hàng hóa, tên thương mại, quy cách, đơn vị tính, nhóm tiêu chí kỹ thuật, Thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, nước sản xuất, mã kê khai, giá kê khai, link kê khai theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày

08/11/2021 của Chính phủ, số đăng ký (giấy phép nhập khẩu) áp dụng với những danh mục bắt buộc, đơn giá (có VAT)VNĐ và khả năng cung cấp số lượng/năm.

Đề nghị Công ty cung cấp gửi báo giá tới Phòng Quản lý trang thiết bị nhà A tầng 3 Bệnh viện đa khoa Cẩm Phả, Địa chỉ: 371 đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. File mềm gửi về địa chỉ thư điện tử: phongttb.bvcp@gmail.com trước ngày **28/06/2022**.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ phòng Quản lý trang thiết bị, tầng 3 nhà A, Bệnh viện đa khoa Cẩm Phả, 371 đường Trần Phú, Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh, SĐT liên hệ: 0203.3860.885.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Trang thông tin điện tử BVĐKCP;
- Lưu VT, QLTTB.

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Hương